

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**Bản án số: 76/2021/HSPT
Ngày: 06/7/2021**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà LÂM VƯƠNG MỸ LINH

Các Thẩm phán: 1/ Ông NGUYỄN TUẤN LONG

2/ Ông NGUYỄN VĂN TUẤN

- *Thư ký phiên tòa:* Ông ĐẶNG VĂN CHIẾN – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Ông VÕ VĂN THÀNH - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 59/2021/TLPT-HS ngày 11 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo Trần Xuân V và Nguyễn Thị Ngọc T do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 12/2021/HSST ngày 03/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

- Bị cáo có kháng cáo:

1/ **TRẦN XUÂN V** (tên gọi khác: Đ) - Sinh năm: 1960 tại Khánh Hòa

Nơi cư trú: Thôn T, xã D, huyện D, tỉnh K.

Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Trần S (đã mất) và bà Ca Thị T (đã mất)

Vợ: Nguyễn Thị Thu H – Sinh năm: 1966; có 4 con, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1993.

Tiền sự: Không

Tiền án:

Bản án số 173/HSPT ngày 11/11/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 6 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, bị cáo chưa chấp hành hình phạt tù, đã đóng án phí hình sự sơ thẩm ngày 09/8/2018 và đóng án phí hình sự phúc thẩm ngày 19/01/2021.

Bản án số 142/2014/HSPT ngày 19/6/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xử phạt 2 năm tù về tội “Đánh bạc” theo khoản 2 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999, thực hiện hành vi phạm tội ngày 28/6/2013; chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/3/2015; chưa nộp 10.000.000 đồng tiền phạt bổ sung và 4.484.000 đồng truy thu sung công quỹ Nhà nước.

Nhân thân: Ngày 07/01/1997 bị đưa vào cơ sở giáo dục cải tạo, thời hạn 24 tháng tại A30 Phú Yên về hành vi đánh bạc.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

2/ NGUYỄN THỊ NGỌC T- Sinh năm: 1975 tại Khánh Hòa

Nơi cư trú: Thôn T, xã D, huyện D, tỉnh K.

Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Nguyễn H (đã mất) và bà Lâm Thị T (đã mất)

Chồng: Nguyễn Trọng Th – Sinh năm: 1971; có 2 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2004.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T:* Luật sư Lê Văn T (Văn phòng luật sư Lê Văn T và cộng sự), là luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa. Luật sư có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 20/9/2019, Trần Xuân V, Nguyễn Thị Ngọc T và Nguyễn Ngọc H uồng cả phê với nhau tại quán cà phê Đ thuộc xã D, huyện D, tỉnh K. Tại đây, V vạch ra cách thức, thủ đoạn, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, phân công nhiệm vụ cho T và H để đi lừa trúng số đề của người ghi đề để chiếm đoạt tài sản. Nguyễn Thị Ngọc T và Nguyễn Ngọc H đồng ý.

Khoảng 15 giờ cùng ngày, V, H và T gặp lại nhau tại quán cà phê Đ. Tại đây, V đưa cho T 3 mảnh giấy đã được ghi sẵn các con số ngẫu nhiên do V chuẩn bị trước. T và H mỗi người góp mỗi người 300.000 đồng (tổng cộng là 600.000 đồng). Theo chỉ dẫn của V, T cầm 3 mảnh giấy trên đến chỗ Lê Thị Xuân M (người ghi đề tại tổ dân phố P, thị trấn D, huyện D), yêu cầu M ghi lại vào phôi đề và trả 600.000 đồng tiền mua số, hẹn quay lại lấy phôi đề sau. Khoảng 17 giờ 15 phút cùng ngày, khi có kết quả xổ số đài G, biết 3 số cuối trúng giải đặc biệt là số “528”, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 79D1-A, V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 79T2-B chở H đến chỗ M lấy lại 3 mảnh giấy trước đó đã đưa cho M. Khi đến khu vực cây xăng 11 (đối diện chỗ M), V để H tại đây rồi tiếp tục điều khiển xe mô tô đến chỗ M. Lợi dụng lúc M không để ý, T lấy lại 3 mảnh giấy đã đưa cho M trước đó rồi lên đưa cho V để V ghi thêm vào một trong 3 mảnh giấy trên số “528” giải đặc biệt với giá mua 30.000 đồng đưa lại cho T. Sau khi T nhận lại giấy đã được ghi thêm số “528” từ V, H đứng bên kia đường gọi cho T nói T đã trúng đề số “528”. Sau khi nghe H gọi, T nói cho M biết mình đã trúng số “528” giải đặc biệt với số tiền 30.000 đồng và đưa tờ giấy có ghi thêm số “528” cho M xem. M nghĩ mình đã vào thiếu số “528”, T đã trúng số với số tiền là 23.400.000 đồng. Do không có tiền trả một lần cho T, M đã mượn của bà Nguyễn Thị B gần đó đưa trước cho T 10.000.000 đồng, hẹn hôm sau sẽ trả số tiền nợ 13.400.000 đồng còn lại. T mang 10.000.000 đồng về quán cà phê Đ đưa cho V 9.000.000

đồng (sau khi trừ 1.000.000 đồng tiền nước và tiền ghi sổ đề), V chia cho H, T và mình mỗi người 3.000.000 đồng, rồi cả ba thống nhất không lấy thêm số tiền còn lại của M vì sợ bị M phát hiện. Tuy nhiên, trên đường về T quay lại chỗ M yêu cầu M đưa cho T thêm 3.000.000 đồng, M mượn bà Lê Thị H (mẹ M) 3.000.000 đồng đưa cho T. Khi biết mình bị T lừa, M đi tìm kiếm T. Đến ngày 25/10/2019, M phát hiện T ở thị trấn D nên giữ T lại rồi báo cho Công an thị trấn Diên Khánh đến đưa Trinh về trụ sở làm việc.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Diên Khánh, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục hậu quả. Các bị cáo không có khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng.

Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2021/HSST ngày 03/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa đã quyết định: Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Trần Xuân V 3 năm 3 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Nguyễn Thị Ngọc T 2 năm 6 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Ngọc H (bị cáo không kháng cáo), về xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 08/3/2021, bị cáo Trần Xuân V có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 12/3/2021, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo, bị cáo cho rằng hành vi phạm tội của bị cáo có nguyên nhân từ lỗi của bị hại Lê Thị Xuân M vì đã ghi sổ đề và yêu cầu xem xét trách nhiệm của người bị hại về hành vi “Tổ chức đánh bạc”.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Xuân V giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T thay đổi yêu cầu kháng cáo, bị cáo cho rằng bị cáo bị oan vì tất cả mọi hành vi phạm tội đều do Trần Xuân V và Nguyễn Ngọc H thực hiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T, luật sư Lê Văn T cho rằng với những tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì chưa đủ căn cứ để kết tội bị cáo. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra xét xử lại.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo Trần Xuân V xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để tránh oan sai cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của kháng cáo:

Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Xuân V đề ngày 05/3/2021, đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T đề ngày 12/3/2021 được gửi trực tiếp cho Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh vào các ngày 08 và 12/3/2021. Theo quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đơn kháng cáo của các bị cáo là hợp pháp, do đó Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết các đơn kháng cáo nói trên theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án và nội dung kháng cáo của các bị cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Xuân V thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa. Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T thay đổi nội dung kháng cáo, bị cáo phủ nhận tất cả lời khai ở giai đoạn điều tra và phiên tòa sơ thẩm, bị cáo cho rằng tất cả mọi việc đều do Trần Xuân V và Nguyễn Ngọc H thực hiện, bị cáo không biết việc lừa đảo của V và H, bị cáo chỉ đi ghi số đề giúp cho V và H chứ không lừa lấy tiền của bị hại Lê Thị Xuân M.

Xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Căn cứ lời khai của bị cáo T tại các biên bản ghi lời khai (bút lục 162-167), biên bản hỏi cung bị can (bút lục 168-169) ngày 20/4/2020, bị cáo đều thừa nhận đã bàn bạc trước với Trần Xuân V, Nguyễn Ngọc H về phương thức, thủ đoạn lừa tiền của người ghi số đề. Cụ thể tại biên bản hỏi cung bị can ngày 20/4/2020, bị cáo khai: “Anh V đưa cho tôi 3 tờ giấy kích thước khoảng (5x10)cm, mỗi tờ giấy có ghi nhiều con số đề ngẫu nhiên do anh V chuẩn bị từ trước, anh V chỉ tôi mang 3 tờ giấy này đến người bán số đề ở đối diện cây xăng số 11 thuộc thị trấn D đưa 3 tờ giấy này yêu cầu ghi các con số đề này và trả trước tiền mua đề là 600.000 đồng rồi đi, hẹn người bán số quay lại lấy phôi đề sau”... “khi có kết quả xổ số thì tôi sẽ quay lại chỗ ghi đề lấy lại các tờ giấy đã đưa cho M rồi lên đưa ra sau lưng để anh V lấy điền thêm số trúng giải đặc biệt đã biết rồi lên đưa lại cho tôi”... Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cho rằng bị cáo không biết, không thấy việc Nguyễn Ngọc H ghi thêm con số “528” vào phôi đề, việc bị cáo nhận tội ở giai đoạn điều tra là do bị cáo ghi chép và khai theo lời khai của Trần Xuân V. Tuy nhiên, theo hồ sơ vụ án cho thấy, tại biên bản ghi lời khai đầu tiên của bị cáo lập vào ngày 25/10/2019 tại Công an thị trấn Diên Khánh, huyện Diên Khánh (bút lục số 160-161), bị cáo T đã thừa nhận có hành vi ghi thêm con số “528” vào tờ phôi để lừa tiền trúng đề; lời khai này của bị cáo được xác lập trước khi Cơ quan điều tra tiến hành thu thập được họ tên, lai lịch và lấy lời khai của Trần Xuân V và Nguyễn Ngọc H nên việc bị cáo cho rằng bị mớm cung là không có căn cứ.

Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T còn khai rằng bị cáo chỉ ghi số đề đài G với số tiền 600.000 đồng, còn Nguyễn Ngọc H mới là người giả vờ đến ghi thêm số đề ĐB với số tiền 45.000 đồng tại nơi ghi số của Lê Thị Xuân M vào lúc hơn 17 giờ ngày 20/9/2019 để lợi dụng lúc đông người ghi

thêm số “528” vào tờ phôi, nhưng căn cứ biên bản ghi lời khai của bị hại Lê Thị Xuân M, lời khai của Nguyễn Ngọc H, Trần Xuân V và đặc biệt tại nội dung ghi âm cuộc nói chuyện giữa bị cáo và bị hại theo Biên bản kiểm tra điện thoại, xác định dữ liệu ngày 20/5/2020 tại Công an huyện Diên Khánh (có chữ ký xác nhận của bị cáo, bị hại và người làm chứng) đều xác định bị cáo chính là người đến ghi thêm số đề của xổ số ĐB chứ không phải là Nguyễn Ngọc H.

Như vậy, mặc dù bị cáo T không thừa nhận hành vi phạm tội nhưng có căn cứ để xác định rằng, lời khai của bị cáo T tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo Trần Xuân V và Nguyễn Ngọc H, phù hợp với lời khai của bị hại Lê Thị Xuân M, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bản thân bị cáo T cũng thừa nhận ở giai đoạn điều tra, bị cáo không bị bức cung, nhục hình; tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo cũng tự nguyện khai báo, không bị ai ép buộc. Việc bị cáo cho rằng bị cáo sợ hãi khi đến các cơ quan tiến hành tố tụng nên khai báo không đúng ở giai đoạn điều tra và phiên tòa sơ thẩm là không có căn cứ để chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy có đủ căn cứ để xác định: vào ngày 20/9/2019, các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T, Trần Xuân V cùng Nguyễn Ngọc H đã bàn bạc, thống nhất, chuẩn bị kế hoạch để chiếm đoạt tài sản của những người ghi đề. Giữa các bị cáo có sự cấu kết chặt chẽ, có sự phân công nhiệm vụ của từng người khi sử dụng thủ đoạn gian dối để sửa đổi, ghi thêm số trúng giải thưởng vào phôi đề, khiến cho người ghi đề là bà Lê Thị Xuân M tin tưởng các bị cáo trúng số đề thật và đồng ý thanh toán số tiền 23.400.000 đồng cho các bị cáo. Do bà M không có sẵn tiền nên chỉ mới đưa được cho các bị cáo 13.000.000 đồng thì hành vi phạm tội của các bị cáo bị phát hiện.

Do đó, có đủ cơ sở để kết luận rằng, bản án hình sự sơ thẩm số 12/2021/HSST ngày 03/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh xét xử các bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung “có tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 2 điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ và đúng pháp luật. Riêng bị cáo Trần Xuân V phạm tội thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” nên còn bị truy tố và xét xử theo điểm d khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Đối với hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét và áp dụng cho bị cáo đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T kháng cáo cho rằng bản thân bị cáo đã một mình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại Lê Thị Xuân M, tuy nhiên xét thấy: tại các biên bản hỏi cung bị can ngày 21/5/2020, ngày 27/11/2020, bị cáo T đều xác định Trần Xuân V và Nguyễn Ngọc H mỗi người có góp số tiền 3.000.000 đồng để cùng bị cáo bồi thường thiệt hại cho người bị hại Lê Thị Xuân M, lời khai này của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo Trần Xuân V và Nguyễn Ngọc H theo các biên bản hỏi cung bị can có trong hồ sơ vụ án. Do đó không có cơ sở để cho rằng bị cáo đã tự mình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại.

Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T cũng kháng cáo yêu cầu xem xét trách nhiệm của bị hại Lê Thị Xuân M về hành vi “Tổ chức đánh bạc”. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, theo hồ sơ vụ án thì bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T và bị hại Lê Thị Xuân M đều thừa nhận bị hại có hành vi ghi sổ đề cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T vào ngày 20/9/2020 với số tiền ghi đề là 820.000 đồng. Cơ quan điều tra Công an huyện Diên Khánh không thu giữ được các tài liệu, chứng cứ để xác định tổng số tiền ghi đề của Lê Thị Xuân M trong ngày 20/9/2019, mặt khác, Lê Thị Xuân M chưa có tiền án, tiền sự nên không có căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị hại và Công an huyện Diên Khánh đã có quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Mai về hành vi đánh bạc. Do đó không có căn cứ để xem xét yêu cầu của bị cáo về việc truy tố trách nhiệm hình sự của Lê Thị Xuân M về hành vi “Tổ chức đánh bạc”.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ cho rằng cha mẹ chồng của bị cáo là ông Nguyễn Trọng B, bà Trần Thị T có thời gian tham gia kháng chiến và được tặng thưởng Huân chương kháng chiến. Tuy nhiên, các giấy tờ, tài liệu bị cáo xuất trình tại phiên tòa phúc thẩm chỉ là bản photo không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, mặt khác bị cáo cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh mối quan hệ cha mẹ chồng – con dâu đối với người tên Nguyễn Trọng B và Trần Thị T, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét.

Xét thấy bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T tham gia thực hiện hành vi phạm tội một cách rất tích cực, mặc dù bản thân bị cáo không phải là người chủ mưu, khởi xướng nhưng sau khi chia số tiền 10 triệu đồng chiếm đoạt được cho các đồng phạm trong vụ án, bị cáo T đã một mình quay lại nơi ghi sổ đề của bị hại Lê Thị Xuân M với mục đích một mình chiếm đoạt thêm khoản tiền trúng số còn lại của bị hại chưa chi trả. Hành vi của bị cáo T thể hiện ý thức rất tích cực, chủ động trong việc thực hiện hành vi phạm tội, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là không nặng mà hoàn toàn tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội.

Đối với kháng cáo của bị cáo Trần Xuân V: Bị cáo là người chủ mưu, lập kế hoạch và chỉ đạo các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội nên cần áp dụng mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác trong vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo V không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới để Hội đồng xét xử có cơ sở xem xét giảm nhẹ hình phạt theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

Vì những lý do nói trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Xuân V và Nguyễn Thị Ngọc T nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với các bị cáo.

[3] Về án phí: Các bị cáo Trần Xuân V và Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 345; điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1/ Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Xuân V và Nguyễn Thị Ngọc T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo **TRẦN XUÂN V 3 (ba) năm 3 (ba) tháng tù** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo **NGUYỄN THỊ NGỌC T 2 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2/ **Về án phí:** Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Các bị cáo Trần Xuân V và Nguyễn Thị Ngọc T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT1 - TANDTC
- VKSND tỉnh Khánh Hòa
- Công an tỉnh Khánh Hòa (Phòng hồ sơ)
- Công an huyện Diên Khánh
- VKSND huyện Diên Khánh
- Chi cục THADS huyện Diên Khánh
- TAND huyện Diên Khánh
- Sở Tư pháp tỉnh K/Hòa
- Bị cáo + NTGTT
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÂM VƯƠNG MỸ LINH